HIỆP ĐỊNH

VỀ

DẪN ĐỘ

GIỮA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

NƯỚC CỘNG HÒA HỒI GIÁO I-RAN

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nước Cộng hòa hồi giáo I-ran (sau đây được gọi là các Bên),

Mong muốn hình thành quan hệ hợp tác hiệu quả hơn trong phòng, chống tội phạm, và để tăng cường hợp tác trong lĩnh vực dẫn độ trên cơ sở cùng tôn trọng các nguyên tắc về chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi,

Đã thống nhất như sau:

ĐIỀU 1

Nghĩa vụ dẫn độ

Theo quy định của Hiệp định này và pháp luật của hai nước liên quan, mỗi Bên đồng ý dẫn độ cho Bên kia bất kỳ người nào đang có mặt trên lãnh thổ của nước mình mà Bên kia yêu cầu để tiến hành truy tố hoặc thi hành án về một tội có thể bị dẫn độ, bất kể tội phạm đó được thực hiện trước hoặc sau thời điểm có hiệu lực của Hiệp định này.

ĐIỀU 2

Các tội có thể bị dẫn độ

1. Vì mục đích của Hiệp định này, tội phạm có thể bị dẫn độ là tội phạm có thể bị xử phạt tù với thời hạn từ một (01) năm trở lên hoặc hình phạt nghiêm khắc hơn theo quy định pháp luật của cả hai Bên tại thời điểm yêu cầu dẫn độ.

2. Một tội phạm cũng được coi là tội có thể bị dẫn độ nếu liên quan đến việc chuẩn bị phạm tội, xúi giục, giúp sức hoặc là người cùng thực hiện tội phạm quy định ở khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp yêu cầu dẫn độ liên quan đến một người đã bị Tòa án của Bên yêu cầu xử phạt tù về tội có thể bị dẫn độ, thì việc dẫn độ chỉ được chấp thuận nếu thời hạn chấp hành hình phạt còn lại ít nhất sáu (06) tháng.

4. Vì mục đích của Điều này, việc xác định một tội phạm có phải là tội phạm theo pháp luật của cả hai Bên:

a) Không yêu cầu pháp luật của cả hai Bên quy định hành vi phạm tội đó phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh;

b) Tất cả các hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ phải được xem xét một cách toàn diện theo pháp luật của các Bên.

5. Trường hợp tội phạm đã được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của Bên yêu cầu, việc dẫn độ người phạm tội sẽ được chấp thuận trong trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu cũng quy định hình phạt đối với tội phạm đó nếu thực hiện bên ngoài lãnh thổ của mình trong điều kiện tương tự. Nếu pháp luật của Bên được yêu cầu không quy định như vậy thì Bên được yêu cầu có quyền quyết định chấp thuận việc dẫn độ.

6. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến một số tội và mỗi tội đó đều có thể bị xử phạt theo pháp luật của cả hai Bên, nhưng có một số tội không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thì việc dẫn độ người phạm tội có thể được chấp thuận với điều kiện có ít nhất một tội là tội có thể bị dẫn độ.

ĐIỀU 3

Từ chối dẫn độ

1. Việc dẫn độ sẽ không được chấp thuận nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân của Bên được yêu cầu;

b) Khi hành vi phạm tội bị yêu cầu dẫn độ là tội chính trị hoặc quân sự. Bản chất của hành vi phạm tội sẽ được xác định bởi Bên được yêu cầu.

c) Người bị yêu cầu dẫn độ không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải chấp hành hình phạt do đã hết thời hiệu theo quy định về thời hạn của Bên được yêu cầu;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự đã bị Tòa án có thẩm quyền kết tội bằng bản án cuối cùng về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự của Bên được yêu cầu;

e) Trường hợp yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều tội phạm và mỗi tội đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Bên yêu cầu nhưng không đáp ứng các quy định tại Điều 2 của Hiệp định này;

f) Theo quan điểm của Bên được yêu cầu, có căn cứ hợp lý để tin rằng yêu cầu dẫn độ được đưa ra nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc trừng phạt người bị yêu cầu dẫn độ vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị;

g) Bên được yêu cầu có căn cứ cho rằng người bị yêu cầu dẫn độ đã hoặc có thể sẽ bị tra tấn tại Bên yêu cầu.

2. Việc dẫn độ có thể bị từ chối trong các trường hợp sau:

a) Theo pháp luật quốc gia, Bên được yêu cầu có thẩm quyền tài phán đối với tội phạm nêu trong yêu cầu dẫn độ. Trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu sẽ tiến hành các thủ tục tố tụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Bên được yêu cầu về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ;

c) Hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ thực hiện không cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật hình sự của Bên được yêu cầu.

3. Trong trường hợp từ chối dẫn độ, Bên được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên yêu cầu trong khoảng thời gian hợp lý và phải nêu rõ lý do từ chối.

ĐIỀU 4

Hoãn dẫn độ và dẫn độ tạm thời

1. Khi người bị yêu cầu dẫn độ đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu về một tội phạm không phải là tội bị yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu có thể hoãn việc dẫn độ người đó cho đến khi kết thúc việc truy cứu trách nhiệm hình sự hay chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên. Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về việc hoãn dẫn độ nói trên. Khi

điều kiện hoãn dẫn độ không còn nữa thì Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu và tiếp tục quy trình dẫn độ nếu không có thông báo khác của Bên yêu cầu.

2. Trường hợp việc hoãn dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này gây cản trở quá trình tố tụng hình sự do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự, thì theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu căn cứ vào pháp luật nước mình có thể cho dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu dẫn độ.

3. Người bị dẫn độ tạm thời phải được trả lại ngay sau khi quá trình tố tụng hình sự kết thúc hoặc hết thời hạn thỏa thuận dẫn độ tạm thời. Khi có yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ gia hạn thời hạn đã thỏa thuận ban đầu nếu cho rằng có lý do chính đáng cho việc gia hạn này.

ĐIỀU 5

Dẫn độ công dân

1. Các Bên không có nghĩa vụ phải dẫn độ công dân của mình theo Hiệp định này.

2. Nếu việc dẫn độ bị từ chối chỉ trên cơ sở quốc tịch của người bị dẫn độ, thì theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ đưa vụ án ra cơ quan có thẩm quyền để truy cứu tránh nhiệm hình sự phù hợp với pháp luật trong nước của các Bên.

3. Quốc tịch được xác định vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị yêu cầu dẫn độ.

ĐIỀU 6

Nội dung và hình thức yêu cầu dẫn độ

1. Yêu cầu dẫn độ theo Hiệp định này phải lập thành văn bản và được gửi thông qua Cơ quan trung ương quy định ở Điều 17 dưới đây. Yêu cầu dẫn độ phải có các thông tin sau đây:

a) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập yêu cầu;

b) Lý do yêu cầu dẫn độ;

c) Tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ;

d) Tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền nhận yêu cầu dẫn độ; và

e) Họ, tên, tên của cha, giới tính, ngày sinh, quốc tịch và địa chỉ thường trú và các thông tin cần thiết khác của người bị yêu cầu dẫn độ.

2. Yêu cầu dẫn độ phải kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Tóm tắt nội dung của vụ án;

b) Văn bản về các điều luật quy định các yếu tố cấu thành tội phạm và tội danh, hình phạt đối với tội phạm đó, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thời hiệu thi hành hình phạt;

c) Giấy tờ chứng nhận quốc tịch và nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ (nếu có); và

d) Các tài liệu khác mô tả nhận dạng và ảnh của người bị yêu cầu dẫn độ (nếu có).

3. Nếu yêu cầu dẫn độ đối với người chưa bị kết án, thì còn phải kèm theo:

a) Bản sao lệnh bắt hoặc giam giữ của cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu dẫn độ; và

b) Văn bản xác nhận người bị yêu cầu dẫn độ là người được nêu trong lệnh bắt hoặc giam giữ đó.

4. Khi yêu cầu dẫn độ đối với người đã bị kết tội và tuyên án, thì còn phải kèm theo:

a) Bản sao bản án kết tội do Tòa án của Bên yêu cầu dẫn độ tuyên; và

b) Văn bản xác nhận bản án là cuối cùng và không còn thủ tục tố tụng nào chưa được giải quyết xong đồng thời xác định phần hình phạt chưa thi hành.

5. Yêu cầu dẫn độ và các tài liệu kèm theo phải được ký và đóng dấu bởi người và cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu. Tất cả các văn bản được chuyển theo Hiệp định này không phải chứng nhận hay chứng thực.

6. Trường hợp yêu cầu dẫn độ đối với người bị kết án vắng mặt, sẽ được áp dụng khoản 4 Điều này như đối với người này bị buộc tội về tội phạm mà người này đã bị kết án.

7. Nếu Bên được yêu cầu cho rằng chứng cứ hoặc thông tin đã cung cấp không đầy đủ để đưa ra quyết định về việc dẫn độ theo Hiệp định này, thì Bên được yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp chứng cứ hoặc thông tin bổ sung trong thời hạn do Bên này ấn định.

8. Yêu cầu dẫn độ và các tài liệu kèm theo phải được gửi cùng một bản dịch chứng thực ra ngôn ngữ chính thức của Bên được yêu cầu hoặc tiếng Anh.

ĐIỀU 7

Thông tin bổ sung

1. Nếu Bên được yêu cầu cho rằng thông tin đã cung cấp kèm theo yêu cầu dẫn độ không đầy đủ để xem xét việc dẫn độ theo Hiệp định này, thì Bên được yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp các thông tin bổ sung trong thời hạn do Bên này ấn định.

2. Nếu người bị yêu cầu dẫn độ đang bị bắt giữ và các thông tin bổ sung đã cung cấp theo Hiệp định này không đầy đủ hoặc không nhận được trong thời hạn ấn định, thì người này có thể được trả tự do. Việc trả tự do cho người bị yêu cầu dẫn độ nói trên không cản trở Bên yêu cầu đưa ra yêu cầu mới về dẫn độ người đó.

3. Trường hợp trả tự do cho người bị yêu cầu dẫn độ theo khoản 2 Điều này, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu ngay khi có thể.

ĐIỀU 8

Bắt khẩn cấp

1. Trong trường hợp khẩn cấp, một Bên có thể, thông qua Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL), kênh ngoại giao và trực tiếp giữa các Cơ quan trung ương đưa ra yêu cầu bắt khẩn cấp người bị yêu cầu dẫn độ trong khi chờ yêu cầu dẫn độ chính thức qua Cơ quan trung ương. Yêu cầu bắt khẩn cấp sẽ được lập bằng văn bản và được chuyển thông qua bất kỳ phương tiện nào kể cả các phương tiện điện tử.

2. Yêu cầu bắt khẩn cấp phải có các nội dung sau:

a) Văn bản về lý do cấp thiết của việc gửi yêu cầu;

b) Mô tả về người bị yêu cầu bắt để dẫn độ, bao gồm cả ảnh và dấu vân tay, nếu có thể;

c) Nơi cư trú của người bị yêu cầu bắt để dẫn độ, nếu biết;

d) Văn bản về các tội phạm được cho là do người này thực hiện hoặc tội phạm mà người này bị kết án;

e) Văn bản mô tả tóm tắt về hành vi cấu thành mỗi tội phạm;

f) Văn bản về lệnh bắt hoặc bản cáo trạng hoặc bản án đối với người bị yêu cầu;

g) Văn bản về hình phạt có thể hoặc đã được áp dụng đối với các tội phạm; và

h) Văn bản khẳng định rằng yêu cầu dẫn độ đối với người bị bắt sẽ gửi sau.

3. Khi nhận được yêu cầu bắt khẩn cấp, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật nước mình để bảo đảm việc thực hiện yêu cầu dẫn độ và thông báo ngay kết quả cho Bên yêu cầu.

4. Một người bị bắt giữ theo yêu cầu bắt khẩn cấp có thể được trả tự do sau bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày người đó bị bắt giữ nếu Bên được yêu cầu không nhận được yêu cầu dẫn độ cùng các tài liệu như quy định tại Điều 6 của Hiệp định này.

5. Việc trả tự do cho một người theo khoản 4 của Điều này sẽ không cản trở việc dẫn độ người này nếu sau đó lại nhận được yêu cầu dẫn độ.

ĐIỀU 9

Nhiều yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp nhận được yêu cầu dẫn độ từ hai hay nhiều quốc gia đối với cùng một người về cùng một tội phạm hay nhiều tội phạm khác nhau, thì Bên được yêu cầu sẽ quyết định dẫn độ người đó cho một trong các quốc gia nói trên và thông báo quyết định của mình cho các quốc gia.

2. Khi quyết định quốc gia để dẫn độ người đó, Bên được yêu cầu phải xem xét tất cả các yếu tố liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn đối với các yếu tố sau:

a) Quốc tịch và nơi thường trú của người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Các yêu cầu được lập theo hiệp định;

c) Thời gian và địa điểm thực hiện mỗi tội phạm;

d) Lợi ích của các quốc gia yêu cầu;

e) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;

f) Quốc tịch của người bị hại;

g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các quốc gia yêu cầu; và

h) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ.

ĐIỀU 10

Chuyển giao

1. Ngay sau khi có quyết định về yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu sẽ trao đổi trực tiếp kèm theo thông báo tới kênh ngoại giao hoặc trao đổi qua kênh ngoại giao về quyết định đó cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu sẽ chuyển giao người bị dẫn độ cho cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu tại một địa điểm trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu mà hai Bên chấp thuận.

3. Bên yêu cầu sẽ đưa người bị dẫn độ ra khỏi lãnh thổ của Bên được yêu cầu trong một thời hạn hợp lý do Bên được yêu cầu ấn định; nếu trong thời hạn trên mà người đó chưa được chuyển đi thì Bên được yêu cầu có thể trả tự do cho người đó và thông báo cho Bên yêu cầu, đồng thời có thể từ chối việc dẫn độ người này về cùng tội phạm đó.

4. Nếu có tình huống phát sinh vượt quá khả năng kiểm soát của một Bên, cản trở Bên đó chuyển giao hay tiếp nhận người bị dẫn độ thì phải thông báo cho Bên kia biết. Trường hợp này sẽ không áp dụng các quy định nêu tại khoản 3 Điều này. Hai Bên sẽ cùng nhau thỏa thuận để đưa ra thời hạn mới để chuyển giao hoặc tiếp nhận người bị dẫn độ nhưng không quá thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thỏa thuận.

ĐIỀU 11

Chuyển giao hoặc tạm thời chuyển giao tài sản liên quan đến người bị dẫn độ

1. Trong phạm vi pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép và bảo đảm quyền lợi hợp lý của Bên thứ ba, theo đề nghị của Bên yêu cầu, tất cả tài sản do phạm tội mà có hoặc cần để làm chứng cứ được tìm thấy trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu có thể được chuyển giao nếu việc dẫn độ được chấp thuận.

2. Theo khoản 1 Điều này, những tài sản nêu trên sẽ được chuyển giao cho Bên yêu cầu nếu Bên này đề nghị, kể cả khi việc dẫn độ không thể thực

hiện được bao gồm nhưng không giới hạn trong các trường hợp không thể thực hiện việc dẫn độ vì người bị yêu cầu bị chết, mất tích hoặc trốn thoát.

3. Khi pháp luật của Bên được yêu cầu quy định hoặc vì quyền lợi của Bên thứ ba, bất kỳ tài sản nào bị chuyển giao sẽ được hoàn trả lại miễn phí cho Bên được yêu cầu theo đề nghị của Bên đó.

4. Nếu các tài sản nêu trên cần thiết để phục vụ điều tra hoặc truy tố, xét xử một tội phạm ở Bên được yêu cầu thì việc chuyển giao tài sản có thể trì hoãn cho đến khi kết thúc việc điều tra hoặc truy tố, xét xử, hoặc có thể chuyển giao với điều kiện sẽ phải trả lại sau khi kết thúc thủ tục tố tụng ở Bên yêu cầu.

ĐIỀU 12

Dẫn độ lại

Nếu người bị dẫn độ trốn tránh các thủ tục tố tụng hình sự hoặc trốn tránh việc chấp hành hình phạt ở Bên yêu cầu và quay trở lại lãnh thổ của Bên được yêu cầu thì Bên yêu cầu có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó về cùng một tội phạm.

ĐIỀU 13

Quy tắc đặc biệt

1. Một người bị dẫn độ theo Hiệp định này sẽ không bị giam giữ, xét xử hay trừng phạt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, trừ trường hợp đối với:

a) Tội phạm đã được chấp nhận dẫn độ hoặc tội tuy có tên gọi khác nhưng dựa trên cùng các tình tiết đã được chấp thuận dẫn độ với điều kiện tội đó là tội có thể bị dẫn độ hoặc một tội nhẹ hơn;

b) Tội phạm khác mà người này có thể bị kết án trên cơ sở các sự kiện đã được kiểm chứng được nêu trong yêu cầu dẫn độ đối với người đó;

c) Theo pháp luật trong nước của Bên được yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền đồng ý với việc giam giữ, xét xử hay trừng phạt người đó về tội đó.

Theo quy định của điểm này:

i) Bên được yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp các tài liệu nêu tại Điều 6 của Hiệp định này;

ii) Bản sao lời khai của người bị yêu cầu dẫn độ sẽ được gửi cho Bên được yêu cầu, nếu có; và

iii) Trong thời gian yêu cầu đang được xử lý, người bị dẫn độ có thể bị Bên yêu cầu giam giữ theo thời hạn mà Bên được yêu cầu cho phép.

2. Người bị dẫn độ theo Hiệp định này không thể bị dẫn độ cho quốc gia thứ ba về tội đã thực hiện trước khi người đó bị dẫn độ trừ trường hợp Bên được yêu cầu đồng ý.

3. Khoản 1 và khoản 2 của Điều này không cản trở việc giam giữ, xét xử hay trừng phạt người bị dẫn độ hoặc dẫn độ người đó đến nước thứ ba, nếu:

a) Người đó rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu sau khi dẫn độ và tự nguyện quay trở lại lãnh thổ đó; hoặc

b) Người đó không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi.

ĐIỀU 14

Thông báo kết quả

Bên yêu cầu sẽ thông báo trước cho Bên được yêu cầu các thông tin liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ hoặc việc dẫn độ lại người đó cho nước thứ ba.

ĐIỀU 15

Quá cảnh

1. Trong phạm vi được pháp luật hai Bên cho phép, việc chuyển giao người bị dẫn độ cho một trong các Bên từ một nước thứ ba, có quá cảnh qua lãnh thổ của Bên kia sẽ được phép thực hiện khi có văn bản yêu cầu gửi tới Cơ quan trung ương.

2. Trường hợp chuyển giao bằng đường hàng không và không dự định hạ cánh trên lãnh thổ của Bên quá cảnh, thì không yêu cầu phải xin phép quá cảnh. Nếu tiến hành việc hạ cánh không dự định trước trên lãnh thổ của Bên quá cảnh, thì Bên đó có thể yêu cầu Bên kia gửi yêu cầu xin quá cảnh theo quy định tại khoản 1 Điều này. Bên đó phải giam giữ người bị dẫn độ đang chờ quá cảnh cho đến khi nhận được yêu cầu quá cảnh và

việc quá cảnh được cho phép, với điều kiện là phải nhận được yêu cầu trong vòng bốn (04) ngày (96 giờ) từ lúc hạ cánh không dự định trước.

ĐIỀU 16

Chi phí

1. Bên được yêu cầu sẽ chịu mọi chi phí về các thủ tục trong phạm vi thẩm quyền của mình phát sinh từ yêu cầu dẫn độ.

2. Bên được yêu cầu sẽ chịu các chi phí phát sinh trên lãnh thổ của mình liên quan đến việc bắt và giam giữ người bị dẫn độ hoặc liên quan đến việc thu giữ và chuyển giao tài sản.

3. Bên yêu cầu sẽ chịu các chi phí phát sinh trong việc chuyển người bị dẫn độ từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và chi phí quá cảnh.

ĐIỀU 17

Cơ quan trung ương

1. Vì mục đích của Hiệp định này, các Bên sẽ liên lạc trực tiếp thông qua Cơ quan trung ương hoặc qua kênh ngoại giao trừ trường hợp trong Hiệp định này quy định khác.

- Cơ quan trung ương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Công an.

- Cơ quan trung ương nước Cộng hòa Hồi giáo I-ran là Cơ quan Hợp tác quốc tế về Tư pháp.

2. Trường hợp một trong hai Bên thay đổi Cơ quan trung ương của mình thì sẽ thông báo ngay khi có thể cho Bên kia về việc thay đổi này thông qua đường ngoại giao.

ĐIỀU 18

Giải quyết bất đồng

1. Các Cơ quan trung ương sẽ nỗ lực cùng nhau giải quyết mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này.

2. Trường hợp các Cơ quan trung ương không giải quyết được bất đồng, các Bên sẽ giải quyết thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 19

Tham vấn

1. Theo yêu cầu của một trong hai Bên, các Bên sẽ tiến hành tham vấn liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này.

2. Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Hợp tác quốc tế về Tư pháp nước Cộng hòa hồi giáo I-ran có thể tham vấn trực tiếp với nhau hoặc qua kênh ngoại giao về quá trình giải quyết từng yêu cầu và duy trì, cải thiện các thủ tục để thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 20

Nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế khác

Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên phát sinh từ các điều ước quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

ĐIỀU 21

Sửa đổi

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hiệp định này được các Bên thống nhất sẽ có hiệu lực theo quy định tại Điều 22 Hiệp định này và tạo thành một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

ĐIỀU 22

Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn theo pháp luật của mỗi Bên. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia ngay khi có thể, bằng văn bản, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên.

2. Hiệp định này có giá trị vô thời hạn. Tuy nhiên, mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia vào bất kỳ thời điểm nào. Trong trường hợp đó, Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo đó.

3. Trong trường hợp Hiệp định này chấm dứt, Hiệp định vẫn tiếp tục được áp dụng đối với với các yêu cầu dẫn độ đã được gửi trước ngày việc chấm dứt Hiệp định có hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người dưới đây, được ủy quyền đầy đủ bởi quốc gia mình, đã ký Hiệp định này.

Làm thành hai bản gốc tại thành phố Tehran ngày 21/5 2023 bằng tiếng Việt, tiếng Ba Tư và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ làm căn cứ để đối chiếu.

THAY MẶT **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI** **CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **NƯỚC CỘNG HÒA** **HỒI GIÁO I-RAN**
ĐẠI TƯỚNG TÔ LÂM BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN	AMIN HOUSSEIN RAHIMI BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

TREATY

ON

EXTRADITION

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE ISLAMIC REPUBLIC OF IRAN

The Socialist Republic of Viet Nam and the Islamic Republic of Iran, (hereinafter referred as the Parties),

Desiring to provide for more effective cooperation in the prevention and suppression of crime, and to facilitate relations in the area of extradition on the basis of mutual respect for the principles of national sovereignty, non-intervention in internal affairs of each other, equality and mutual benefit,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Obligation to Extradite

Each Party agrees to extradite to the other Party, in accordance with the provisions of this Treaty and the laws of countries concerned, any person who is found in its territory and sought by the other Party for prosecution or execution of sentence for an extraditable offence, whether such offence was committed before or after the entry into force of this Treaty.

ARTICLE 2

Extraditable Offences

1. For the purposes of this Treaty, extraditable offences are offences which, at the time of the request, are punishable under the laws of both

Parties by an imprisonment for a period of at least one (01) year or by a more severe penalty.

2. An offence shall also be an extraditable offence if it involves an attempt to conspire, aiding or abetting the commission or being an abettor to, an offence described in paragraph 1 of this Article.

3. Where the request for extradition relates to a person sentenced to imprisonment by a court of the Requesting Party for any extraditable offence, extradition shall be granted only if a period of at least six (06) months of the sentence remains to be served.

4. For the purposes of this Article, in determining whether an offence is an offence against the laws of both Parties:

a) it shall not matter whether the laws of the Parties place the conduct constituting the offence within the same category of offence or denominate the offence by the same terminology;

b) the totality of the conduct alleged against the person whose extradition is sought shall be taken into account the offence under the laws of the Parties.

5. Where the offence has been committed outside the territory of the Requesting Party, extradition shall be granted where the law of the Requested Party provides for the punishment of an offence committed outside its territory in similar circumstances. Where the law of the Requested Party does not so provide, the Requested Party may, at its discretion, grant extradition.

6. If the request for extradition refers to several offences, each of which is punishable under the laws of both Parties, but some of which do not fulfil the other conditions set out in paragraphs 1 and 2 of this Article, extradition may be granted for the offences, provided that the person is to be extradited for at least one extraditable offence.

ARTICLE 3

Refusal of Extradition

1. Extradition shall not be granted in any of the following circumstances:

a) the person whose extradition is requested is a national of the Requested Party;

b) when the offence for which the extradition has been requested is a political or military offence. The nature of the offence shall be determined by the Requested Party;

c) the person whose extradition is requested cannot be prosecuted or does not have to serve the sentence imposed due to the lapse of time under the statute of limitations of the Requested Party;

d) the person whose extradition is requested for prosecution has been convicted under a final judgment by a competent court for the conduct to which the request relates or the case has been set aside according to the criminal procedural law of the Requested Party;

e) where the request for extradition relates to more than one offense and each of which is punishable under the law of the Requesting Party but does not fall under Article 2 of this Treaty;

f) in the opinion of the Requested Party, there are reasonable grounds to believe that the request for extradition has been presented with a view to prosecuting or punishing the person sought by reason of race, religion, sex, nationality, ethnic, social status, or political opinions;

g) the Requested Party has substantial grounds to believe the person whose extradition is sought was or would be subjected to torture in the Requesting Party.

2. Extradition can be refused in any of the following circumstances:

a) the Requested Party in accordance with its laws has jurisdiction over the offence for which the request for extradition is made. In this case, the competent authority of the Requested Party shall institute proceedings against the person sought;

b) the person whose extradition is requested is being prosecuted in the Requested Party for the offence for which extradition is requested;

c) the conduct committed by the person whose extradition is requested does not constitute an offence under the criminal law of the Requested Party.

3. In the case of refusal of extradition, the Requested Party is required to inform the Requesting Party of this in writing within a reasonable time with reasons for such refusal.

ARTICLE 4

Postponement of Extradition and Temporary Extradition

1. When the person sought is being investigated, prosecuted or has been tried or is serving a sentence in the Requested Party for an offence other than that for which extradition is requested, the Requested Party may postpone the extradition of the person sought until the conclusion of the proceedings or the serving of the whole or any part of the sentence imposed. The Requested Party shall inform the Requesting Party of any postponement. When the conditions of the postponement no longer exist, the Requested Party shall inform as soon as practicable the Requesting Party and resume the process for extradition unless otherwise informed by the Requesting Party.

2. When the postponement of extradition referred to in the paragraph 1 would bar the criminal proceedings due to the lapse of time or create a serious difficulty for the proceedings, the Requested Party may, at the request of the Requesting Party and pursuant to its laws, grant temporary extradition of the person whose extradition is sought.

3. The person whose temporary extradition is granted shall be returned as soon as the criminal proceedings are completed or the mutually agreed time permitted for the request for temporary extradition ends. The Requested Party may extend, upon request, the time period initially agreed, if it deems that reasonable grounds for such extension exist.

ARTICLE 5

Extradition of Nationals

1. Neither of the Parties shall be bound to extradite its own national under this Treaty.

2. If extradition is refused solely on the basis of the nationality of the person sought, the Requested Party shall, at the request of the Requesting Party, submit the case to its authorities for prosecution in accordance with the national laws of both Parties.

3. Nationality shall be determined at the time of the commission of the offence for which extradition is requested.

ARTICLE 6

Contents and form of the request for extradition

1. The request for extradition under this Treaty shall be made in writing and exchanged through the Central Authorities defined in Article 17 of this Treaty. The request for extradition shall include the following particulars:

a) date and place of the request;

b) reasons for requesting extradition;

c) name and address of the competent authority requesting extradition;

d) name and address of the competent authority to which the request for extradition is made; and

e) name, surname, father's name, sex, date of birth, nationality and residence and other necessary information about the person whose extradition is requested.

2. The request shall be accompanied by the following documents:

a) a statement of facts of the case;

b) a statement of the laws describing the essential elements and the designation of the offence, the punishment for the offence, and the time limit for prosecution or enforcement of the sentence imposed;

c) documents certifying the nationality and residence of the person whose extradition is requested (if any); and

d) documents which describe the identity and the photo of the person (if available) whose extradition is requested.

3. If the request relates to an accused person, it must also be accompanied by:

a) a copy of the warrant of arrest or detention issued by a competent authority in the Requesting Party; and

b) a document certifying that the person sought is the person to whom the warrant of arrest or detention refers.

4. If the request relates to a person already convicted and sentenced, it shall also be accompanied by:

a) a copy of the judgment of conviction imposed by a court in the Requesting Party; and

b) a statement that the judgment is final and no further proceedings are pending and showing how much of the sentence has not been carried out.

5. The extradition request and supported documents shall be signed and sealed by the competent official and authority of the Requesting Party. All the documents transmitted under this Treaty shall not require any form of certification or authentication.

6. In relation to a convicted person who was not present at his/her trial, the person shall be treated for the purposes of paragraph 4 of this Article as if he/she had been accused of the offence of which he/she was convicted.

7. If the Requested Party considers that the evidence produced or information supplied for the purposes of this Treaty is not sufficient in order to enable a decision to be taken as to the request, additional evidence or information shall be submitted within such time as the Requested Party shall require.

8. The request for extradition and its supported documents must be accompanied by a certified translation into the official language of the Requested Party or the language of English.

ARTICLE 7

Supplementary Information

1. If the Requested Party considers that the information furnished in support of a request for extradition is not sufficient in accordance with this Treaty to enable extradition to be granted, that Party may request that supplementary information be furnished within such time as it may specify.

2. If the person whose extradition is sought is under arrest and the supplementary information furnished is not sufficient in accordance with

this Treaty or is not received within the time specified, the person may be released from custody. Such release shall not preclude the Requesting Party from making a new request for the extradition of the person.

3. When the person is released from custody in accordance with paragraph 2 of this Article, the Requested Party shall notify the Requesting Party as soon as practicable.

ARTICLE 8

Provisional Arrest

1. In case of urgency, a Party may apply by means of the facilities of the International Criminal Police Organization (INTERPOL), diplomatic channels and directly between the Central Authorities of the Parties for the provisional arrest of the person sought, pending the presentation of the request for extradition through the Central Authorities. The application shall be made in writing and transmitted by any means including electronic means.

2. The application shall contain:

a) statement about the reasons for urgency prompting the making of the application;

b) a description of the person sought, including, if possible, a photo or fingerprints;

c) the location of the person sought, if known;

d) a statement of the offences allegedly committed by the person, or of which he or she has been convicted;

e) a concise statement of the conduct alleged to constitute each offence;

f) a statement of the existence of a warrant of arrest, or finding of guilt or judgment of conviction, against the person sought;

g) a statement of the sentence that can be, or has been, imposed for the offences; and

h) a statement that a request for the extradition of the person is to follow.

3. On receipt of such an application the Requested Party shall take the necessary steps in accordance with its laws to secure the arrest of the person sought and the Requesting Party shall be notified as soon as practicable of the result of its application.

4. A person arrested upon such an application may be set at liberty upon the expiration of forty-five (45) days from the date of that person's arrest if a request for extradition, supported by the documents specified in Article 6 of this Treaty, has not been received.

5. The release of a person pursuant to paragraph 4 of this Article shall not prevent the institution of proceedings to extradite the person sought, if the extradition request is subsequently received.

ARTICLE 9

Concurrent Requests

1. Where requests are received from two or more States for the extradition of the same person either for the same offence or for different offences, the Requested Party shall determine to which of those States the person is to be extradited and shall notify those States of its decision.

2. In determining to which State a person is to be extradited, the Requested Party shall consider all relevant factors, including but not limited to:

a) the nationality and the ordinary place of residence of the person sought;

b) whether the requests were made pursuant to a treaty;

c) the time and place where each offence was committed;

d) the respective interests of the requesting States;

e) the gravity of the offences;

f) the nationality of the victim;

g) the possibility of further extradition between the requesting States; and

h) the respective dates of the requests.

ARTICLE 10

Surrender

1. The Requested Party shall, as soon as a decision on the request for extradition has been made, communicate that decision to the Central Authority of the Requesting Party directly with a concurrent notification to the diplomatic channels or through diplomatic channels.

2. The Requested Party shall surrender the person sought to the competent authorities of the Requesting Party at a location in the territory of the Requested Party acceptable to both Parties.

3. The Requesting Party shall remove the person from the territory of the Requested Party within such reasonable period as the Requested Party specifies and, if the person is not removed within that period, the Requested Party may set that person at liberty and shall inform the Requesting Party and may refuse extradition of the same person for the same offence.

4. If circumstances beyond its control prevent a Party from surrendering or removing the person to be extradited, it shall notify the other Party, and in this case the provisions of paragraph 3 of this Article shall not apply. The Parties shall mutually decide upon a new date of surrender or removal, which shall not be later than forty-five (45) days from the date of the decision.

ARTICLE 11

Surrender or Temporary Transfer of Property Relating to an Extradited Person

1. To the extent permitted under the laws of the Requested Party and subject to the rights of third persons which shall be duly respected, all property found in the Requested Party that has been acquired as a result of the offence or may be required as evidence shall be surrendered or temporarily transferred if extradition is granted and the Requesting Party so requests.

2. Subject to paragraph 1 of this Article, the abovementioned property shall, if the Requesting Party so requests, be surrendered to the Requesting Party even if the extradition cannot be carried out, including but

not limited to circumstances where the extradition cannot be carried out because of the death, disappearance or escape of the person sought.

3. Where the laws of the Requested Party or the rights of third persons so require, any articles so surrendered shall be returned to the Requested Party free of charge at the request of that Party.

4. If the abovementioned property is required for an investigation or prosecution of an offence in the Requested Party, then the delivery of that property may be delayed until the completion of the investigation or prosecution, or it may be delivered on condition that it shall be returned after the conclusion of the proceedings in the Requesting Party.

ARTICLE 12

Re-extradition

Where the person extradited has absconded the criminal proceedings against him/her or serving the punishment in the Requesting Party and returned to the territory of the Requested Party, the Requesting Party may submit a request for re-extradition of that person for the same offence.

ARTICLE 13

Rule of Speciality

1. A person extradited under this Treaty may not be detained, tried, or punished in the Requesting Party except for:

a) the offence for which extradition has been granted or a differently denominated offence based on the same facts, on which such extradition was granted, provided such offence is extraditable or is a lesser included offence;

b) an offence in respect of which he/she was extradited, or another offence in respect of which he/she could be convicted based on the proven facts used to support the request for his/her extradition; or

c) an offence for which the competent authority according to the domestic laws of the Requested Party consents to the person's detention, trial, or punishment for an offence.

For the purposes of this subparagraph:

i) the Requested Party may require to submit the documents called for in Article 6 of this Treaty;

ii) a copy of the statement, if any, made by the person in respect of whom the extradition is requested shall be submitted to the Requested Party; and

iii) the person extradited may be detained by the Requesting Party for such period of time as the Requested Party may authorize, while the request is being processed.

2. A person extradited under this Treaty may not be extradited to a third State for an offence committed prior to his/her extradition unless the Requested Party consents.

3. Paragraphs 1 and 2 of this Article shall not prevent the detention, trial, or sentence of an extradited person or the extradition of that person to a third State, if:

a) that person leaves the territory of the Requesting Party after extradition and voluntarily returns to it; or

b) that person does not leave the territory of the Requesting Party within forty-five (45) days of the day on which that person is free to leave.

ARTICLE 14

Notification of the Results

The Requesting Party shall notify the Requested Party in advance of the information relating to the proceedings against or the execution of sentence upon the person extradited or the re-extradition of that person to a third State.

ARTICLE 15

Transit

1. To the extent permitted by the laws of the Parties, transferring of a person surrendered to one Party by a third State through the territory of the other Party shall be authorized on the request in writing made through the Central Authorities.

2. Authorization for transit shall not be required when air transport is to be used and no landing is scheduled in the territory of the Party of transit. If an unscheduled landing occurs in the territory of that Party, it may require the other Party to furnish a request for transit as provided in paragraph 1 of this Article. That Party shall detain the person to be transferred until the request for transit is received and the transit is effected, so long as the request is received within four (04) days (96 hours) of the unscheduled landing.

ARTICLE 16

Costs

1. The Requested Party shall meet the costs of any proceedings in its jurisdiction arising out of a request for extradition.

2. The Requested Party shall bear the costs incurred in its territory in connection with the arrest and detention of the person whose extradition is sought, or the seizure and surrender of property.

3. The Requesting Party shall bear the costs incurred in conveying the person whose extradition is granted from the territory of the Requested Party and the costs of transit.

ARTICLE 17

Central Authorities

1. For the purpose of this Treaty, the Central Authorities of the Parties shall communicate directly or through diplomatic channels except provided otherwise in this Treaty.

- The Central Authority for the Socialist Republic of Viet Nam shall be the Ministry of Public Security.

- The Central Authority for the Islamic Republic of Iran shall be the Deputy of International Affairs of Judiciary.

2. In case either Party changes its Central Authority, it shall, as soon as practicable, notify the other Party of the same through diplomatic channels.

ARTICLE 18

Settlement of Disputes

1. The Central Authorities shall endeavour to mutually resolve any dispute arising out of the interpretation, application or implementation of this Treaty.

2. If the Central Authorities are unable to resolve the dispute mutually, it shall be resolved through diplomatic channels.

ARTICLE 19

Consultation

1. The Parties shall consult, at the request of either Party, concerning the interpretation and the application of this Treaty.

2. The Ministry of Public Security of the Socialist Republic of Viet Nam and the Deputy of International Affairs of Judiciary of the Islamic Republic of Iran may consult with each other directly or through diplomatic channels in connection with the processing of individual requests and in furtherance of maintaining and improving procedures for the implementation of this Treaty.

ARTICLE 20

Obligations under other International Agreements

The present Treaty shall not affect the rights and obligations of the Parties arising from other international agreements to which they are parties.

ARTICLE 21

Amendments

Any amendment or modification to this Treaty agreed to by the Parties shall enter into force in accordance with Article 22 of this Treaty and shall form an integral part of this Treaty.

ARTICLE 22

Entry into Force and Termination

1. This Treaty shall be subject to ratification under the laws of each Party. Each Party shall notify the other as soon as practicable, in writing, through diplomatic channels, upon the completion of its legal procedures required for the entry into force of this Treaty. The Treaty shall enter into force after sixty (60) days from the date of the last notification of the Parties.

2. The Treaty shall enter into force for an indefinite period. It may, however, be terminated by either of the Parties giving a written notice of termination to other Party. The termination shall come into effect six (06) months after the date on which such notice is received by the other Party.

3. Notwithstanding any termination, this Treaty shall continue to apply to the extradition requests made before the date on which such termination takes effect.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective States, have signed this Treaty.

Done in duplicate at Tehran on the 21 day of May 2023 in the Vietnamese, Persian and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GENERAL TO LAM
MINISTER OF PUBLIC SECURITY

FOR THE ISLAMIC REPUBLIC OF IRAN

AMIN HOUSSEIN RAHIMI
MINISTER OF JUSTICE

معاهده استرداد مجرمان
بین
جمهوری سوسیالیستی ویتنام
و
جمهوری اسلامی ایران

جمهوری سوسیالیستی ویتنام و جمهوری اسلامی ایران که از این پس «طرف‌ها» نامیده می‌شوند، با تمایل به ارائه همکاری موثرتر در پیشگیری و مقابله با جرم و تسهیل روابط در حوزه استرداد مجرمان براساس احترام متقابل به اصول حاکمیت ملی، عدم مداخله در امور داخلي يكديگر، برابری و منافع متقابل، به شرح زیر توافق نمودهاند:

ماده ۱

تعهد به استرداد

هرطرف، طبق مفاد این معاهده و قوانین کشورهای مربوط، با استرداد هر شخصی که در قلمرو آن یافت شود و توسط طرف دیگر به دلیل ارتکاب جرم قابل استرداد تحت تعقیب یا اجرای حکم قرار گرفته باشد اعم از این‌که چنین جرمی پیش یا پس از لازم‌الاجرا شدن این معاهده ارتکاب یافته باشد، موافقت خواهد نمود.

ماده ۲

جرایم قابل استرداد

1- از نظر این معاهده، جرایم قابل استرداد جرایمی است که در زمان درخواست، بر اساس قوانین هر دو طرف با حداقل یک (1) سال حبس یا مجازات شدیدتر قابل مجازات باشد.

2- چنانچه جرمی در ارتباط با شروع به تبانی، کمک یا معاونت در ارتکاب جرم یا معاونت در ارتکاب جرم توصیفی در بند (۱) این ماده باشد، جرم مزبور نیز قابل استرداد خواهد بود.

3- چنانچه درخواست استرداد مربوط به شخصی باشد که توسط دادگاه طرف درخواست‌کننده برای هرگونه جرم قابل استرداد به حبس محکوم شده است استرداد تنها در صورتی پذیرفته می‌شود که حداقل شش (6) ماه از مدت سپری کردن حکم باقی مانده باشد.

4- از نظر این ماده، در تعیین اینکه آیا جرمی خلاف قوانین هر دو طرف جرم است یا نیست:

الف) اینکه قوانین طرف‌ها رفتارتشکیل‌دهنده جرم را در دسته‌بندی واحدی از جرم قرار میدهند یا نمی‌دهد یا جرم را با عنوان واحدی توصیف می‌نماید یا نمی‌نماید موضوعیت نخواهد داشت؛

ب) مجموع رفتار ادعایی علیه کسی که استرداد وی درخواست شده به موجب قوانین طرف‌ها جرم محسوب خواهد شد.

5-چنانچه جرم در خارج از قلمرو طرف درخواست کننده ارتکاب یافته باشد، استرداد در صورتی پذیرفته خواهد شد که قانون طرف درخواستشونده مجازات جرمی را که در خارج از قلمرو آن در شرایط مشابهی ارتکاب یافته باشد، پیشبینی کرده باشد. چنانچه قانون طرف درخواستشونده چنین موردی را پیش‌بینی نکرده باشد، طرف درخواستشونده میتواند در صورت صلاحدید خود استرداد را بپذیرد.

-6چنانچه درخواست استرداد در ارتباط با چند جرم باشد که هرکدام به موجب قوانین دو طرف قابل مجازات است، اما برخی از آن‌ها سایر شرایط مندرج در بندهای 1 و ۲ این ماده را ندارند، استرداد نسبت به این جرایم، به شرطی می‌تواند پذیرفته شود که شخص حداقل به دلیل یک جرم قابل استرداد مسترد شود.

ماده ۳

امتناع از استرداد

1- استرداد در هیچ یک از شرایط زیر پذیرفته نخواهد شد:

الف) شخصی که استرداد او درخواست شده تبعه طرف درخواست شونده باشد؛

ب) چنانچه جرمی که به موجب آن استرداد درخواست گردیده جرم سیاسی یا نظامی باشد. ماهیت جرم طبق قوانین طرف درخواست شونده تعیین خواهد شد؛

پ) شخصی که استرداد او درخواست شده را نتوان تحت تعقیب قرار داد یا مجبور به تحمل حکم وضع شده به دلیل مرور زمان به موجب قاعده مروز زمان طرف درخواست شونده کرد؛

ت) شخصی که استرداد او برای تعقیب درخواست گردیده به موجب حکم قطعی توسط دادگاه صالح برای رفتاری محکوم شده باشد که مربوط به درخواست است یا پرونده به دلیل قانون آئین دادرسی کیفری طرف درخواست شونده مختومه گردیده باشد؛

ث) چنانچه درخواست برای استرداد به بیش از یک جرم مربوط می‌شود و هر کدام به موجب قوانین طرف درخواست شونده قابل مجازات است، اما مشمول ماده 2 این معاهده نخواهد شد؛

ج) طرف درخواست شونده بنا به دلایل معقولی بر این باور باشد که درخواست استرداد به منظور تعقیب یا مجازات شخص مورد نظر به دلیل نژاد، مذهب، جنسیت، تابعیت، قومیت، موقعیت اجتماعی یا عقاید سیاسی ارائه شده است؛

ج) طرف درخواست شونده به دلایل کافی بر این باور باشد که شخص موضوع استرداد در طرف درخواست کننده مورد شکنجه قرار گرفته یا میگیرد.

۲- استرداد را می‌توان در هر یک از شرایط زیر نپذیرفت:

الف) طرف درخواست شونده طبق قوانین خود صلاحیت رسیدگی به جرمی که درخواست استرداد برای آن صورت گرفته است را دارد. در این صورت، مقام صلاحیتدار طرف درخواست شونده باید علیه شخص مورد نظر اقامه دعوی کند.

ب) شخصی که استرداد او درخواست شده، در طرف درخواست شونده به دلیل جرمی که استرداد برای آن درخواست شده است، تحت تعقیب قرار گرفته باشد.

پ) رفتار ارتکابی شخصی که استرداد او درخواست شده است به‌موجب قانون کیفری طرف درخواست شونده جرم تلقی نشود.

۳- در صورت امتناع از استرداد، طرف درخواست شونده ملزم است در مدت زمان متعارف به صورت کتبی با ذکر دلایل چنین امتناعی، موضوع را به طرف درخواست کننده اطلاع دهد.

ماده ۴

تعویق استرداد و استرداد موقت

1- چنانچه شخص مورد درخواست در حال تحقیق یا تعقیب باشد یا محاکمه شده باشد یا در حال سپری کردن حکم در طرف درخواست شونده به دلیل ارتکاب جرمی غیر از جرمی که استرداد برای آن درخواست شده است، طرف درخواست شونده میتواند استرداد شخص مورد نظر را تا پایان جریان رسیدگیها یا سپری کردن کل یا بخشی از حکم صادره به تعویق بیندازد. طرف درخواست شونده هرگونه تعویق را به طرف درخواست کننده اطلاع خواهد داد. چنانچه شرایط تعویق دیگر وجود

نداشته باشد، طرف درخواست شونده به محض امکانپذیر بودن، طرف درخواست کننده را مطلع و روند استرداد را ادامه خواهد داد مگر اینکه به گونه‌ای دیگر توسط طرف درخواست کننده از موضوع مطلع شود.

2- چنانچه تعویق استرداد موضوع بند (1)، مانع جریان رسیدگی‌های کیفری به دلیل مرور زمان گردد یا مشکل جدی برای جریان رسیدگی‌ها ایجاد کند، طرف درخواست شونده می‌تواند بنا به درخواست طرف درخواست کننده و به موجب قوانین خود، استرداد موقت شخصی را که استرداد او مورد درخواست است، بپذیرد.

3- شخصی که استرداد موقت او پذیرفته شده است، به محض تکمیل جریان رسیدگی‌های کیفری یا اتمام زمان مورد توافق متقابل مجاز برای درخواست استرداد موقت، باز گردانده خواهد شد. طرف درخواست شونده می‌تواند بنا به درخواست، دوره زمانی مورد توافق اولیه را تمدید کند چنانچه بر این باور باشد که دلایل متعارفی برای چنین تمدیدی وجود دارد.

ماده ۵

استرداد اتباع

1- هیچ یک از طرف‌ها به موجب این معاهده ملزم به استرداد اتباع خود نخواهد بود.

2- چنانچه استرداد صرفاً براساس تابعیت شخص مورد نظر رد شود، طرف درخواست شونده بنا به درخواست طرف درخواست کننده، پرونده را طبق قوانین ملی هر دو طرف برای تعقیب به مقامهای خود تسلیم می‌کند.

3- تابعیت در زمان ارتکاب جرمی که استرداد برای آن درخواست می‌شود تعیین خواهد شد.

ماده ۶

محتوا و شکل درخواست استرداد

۱- درخواست استرداد به موجب این معاهده به صورت مکتوب انجام و از طریق مراجع مرکزی تعیین شده در ماده 17 این معاهده تبادل خواهد شد. درخواست استرداد شامل موارد مشروح زیر خواهد بود:

الف) زمان و مکان درخواست؛

ب) دلایل درخواست استرداد؛

پ) نام و نشانی مقام صلاحیتدار درخواست کننده استرداد؛

ت) نام و نشانی مقام صلاحیتداری که درخواست استرداد برای آن ارسال می شود؛ و

ث) نام، نام خانوادگی، نام پدر، جنسیت ، تاریخ تولد، تابعیت و اقامتگاه و سایر اطلاعات لازم در مورد شخصی که استرداد او درخواست می‌شود.

۲- درخواست استرداد همراه با مدارک زیر خواهد بود:

الف) شرحی از حقایق پرونده؛

ب) شرحی از قوانینی که عناصر ضروری و عنوان جرم، مجازات جرم، و محدودیت زمانی برای تعقیب یا اجرای حکم صادره را توصیف می‌نماید؛

پ) اسناد مؤید تابعیت و اقامت شخصی که استرداد او درخواست می‌شود (در صورت وجود)؛ و

ت) عکس (در صورت موجود بودن) و اسنادی که هویت شخصی را توصیف می‌کند که استرداد او درخواست شده است.

۳- چنانچه درخواست مربوط به متهم باشد، باید همراه با موارد زیر باشد:

الف) تصویری از قرار دستگیری یا بازداشت صادره توسط مقام صلاحیتدار طرف درخواست کننده؛ و

ب) سندی که تایید می‌کند شخص مورد درخواست شخصی است که قرار دستگیری یا بازداشت به او مربوط می‌باشد.

۴- چنانچه درخواست مربوط به شخصی باشد که قبلاً محکوم و حکم مجازات صادر شده باشد، همراه با موارد زیر خواهد بود:

الف) تصویری از حکم محکومیت وضع شده توسط دادگاه طرف درخواست کننده؛ و

ب) شرحی که بیانگر نهایی بودن حکم و عدم وجود جریان رسیدگی‌های بعدی باشد و نشان می‌دهد که چه میزان از حکم اجرا نشده است.

۵- درخواست استرداد و اسناد مثبته توسط مأمور و مقام صلاحیتدار طرف درخواست کننده امضا و ممهور به مهر خواهد شد. همه اسنادی که به موجب این معاهده ارسال می‌گردند به هیچ شکلی از تصدیق یا تایید نیاز نخواهد داشت.

۶- در رابطه با محکومی که در محاکمه خود حضور نداشته است، با آن شخص از نظر بند (۴) این ماده به‌گونه‌ای برخورد می‌شود که گویی او به جرمی متهم شده که به آن محکوم شده است.

۷- چنانچه طرف درخواست شونده بر این عقیده باشد که ادله ارائه شده یا اطلاعاتی که به منظور این معاهده ارائه می‌شود کافی نیست تا بتواند در مورد درخواست اتخاذ تصمیم کند، ادله یا اطلاعات اضافی در مدت زمانی که طرف درخواست شونده مقرر خواهد کرد، ارائه خواهد شد.

۸- درخواست استرداد و اسناد مثبته آن باید همراه با ترجمه مصدق به زبان رسمی طرف درخواست شونده یا زبان انگلیسی باشد.

ماده ۷

اطلاعات تکمیلی

1- چنانچه طرف درخواست شونده بر این عقیده باشد که اطلاعات ارسال شده در پشتیبانی از درخواست استرداد طبق این معاهده برای امکان‌پذیر ساختن استرداد کافی نیست، آن طرف می‌تواند درخواست کند که اطلاعات تکمیلی ظرف مدت زمانی که ممکن است مشخص کند، ارسال شود.

2- چنانچه شخص موضوع استرداد در بازداشت باشد و اطلاعات تکمیلی ارسال شده طبق این معاهده کافی نباشد یا ظرف مدت مشخص شده دریافت نشود ، شخص مزبور می‌تواند از بازداشت آزاد شود. آزادی او مانع از درخواست جدید طرف درخواست کننده برای استرداد شخص مزبور نخواهد شد.

3- چنانچه که فرد طبق بند (۲) این ماده از بازداشت آزاد شود، طرف درخواست شونده به محض امکان‌پذیر بودن به طرف درخواست کننده اطلاع خواهد داد.

ماده ۸

بازداشت موقت

۱- در صورت اضطرار، یک طرف می‌تواند از طریق امکانات سازمان پلیس جنایی بین‌المللی (اینترپل)، مجاری سیاسی (دیپلماتیک) و مستقیماً بین مراجع مرکزی طرفها خواستار بازداشت موقت شخص موردنظر، تا زمان ارائه درخواست استرداد از طریق مراجع مرکزی شود. درخواست به صورت مکتوب و با هر وسیله‌ای از جمله وسایل الکترونیکی ارسال خواهد شد.

2- درخواست شامل موارد زیر خواهد بود:

الف) بیانیه‌ای در مورد دلایل فوریت درخواست؛

ب) شرحی از شخص مورد نظر، از جمله، عکس یا اثر انگشت؛ در صورت امکان؛

پ) موقعیت مکانی شخص مورد نظر، در صورت آگاهی؛

ت) بیانیه‌ای در مورد جرایم ادعایی ارتکاب شده توسط شخص یا جرایمی که به خاطر آن‌ها محکوم شده است؛

ث) بیانیه‌ای مختصر در مورد رفتار ادعایی تشکیل دهنده هر جرم؛
ج) بیانیه‌ای در مورد وجود قرار بازداشت، یا احراز مجرمیت یا حکم محکومیت، علیه شخص مورد نظر؛
چ) بیانیه‌ای در مورد حکمی که برای جرایم می‌تواند وضع شود یا وضع شده است؛ و
ح) بیانیه‌ای در مورد این‌که درخواست استرداد شخص را قرار است پیگیری کند.

3- طرف درخواست‌شونده پس از دریافت چنین درخواستی، اقدامات لازم را طبق قوانین خود برای حصول اطمینان از دستگیری شخص مورد نظر انجام خواهد داد و طرف درخواست‌کننده را در اسرع وقت از نتیجه درخواست خود آگاه خواهد کرد.

4- شخصی که براساس چنین درخواستی دستگیر می‌شود، چنانچه درخواست استرداد منضم به اسناد مثبته مندرج در ماده (6) این معاهده دریافت نشده باشد، می‌تواند پس از انقضای چهل و پنج (45) روز از تاریخ دستگیری آن شخص، آزاد شود.

5- چنانچه متعاقباً درخواست استرداد دریافت شود، آزادی شخص بر اساس بند (4) این ماده، مانع از آغاز جریان رسیدگی‌های استرداد شخص موردنظر نخواهد شد.

ماده ۹

درخواست های همزمان

1-چنانچه درخواست‌هایی از دو یا چند دولت برای استرداد شخصی واحد یا به دلیل جرم مشابه یا جرم‌های مختلف دریافت شود، طرف درخواست شونده تعیین خواهد کرد که شخص به کدام یک از آن دولت‌ها مسترد شود و آن دولت‌ها را از تصمیم خود آگاه خواهد نمود.

2- طرف درخواست شونده در تعیین این‌که قرار است شخص به کدام دولت مسترد شود، تمام عوامل مربوط از جمله موارد زیر را لحاظ خواهد نمود، اما عوامل مزبور محدود به موارد زیر نمی‌شود:
الف) تابعیت و محل اقامت معمول شخص مورد نظر؛
ب) اینکه آیا درخواست‌ها بر اساس معاهدهای صورت گرفته یا نگرفته است؛
پ) زمان و مکانی که هر جرم ارتکاب یافته است؛
ت) منافع مربوط به دولت‌های درخواست کننده؛
ث) شدت جرایم؛
ج) تابعیت قربانی؛
چ) امکان استرداد بعدی بین دولت‌های درخواست کننده؛ و
ح) تاریخ‌های مربوط به درخواست‌ها.

ماده ۱۰

تسلیم

1- طرف درخواست‌شونده به محض اتخاذ تصمیم در مورد درخواست استرداد، آن تصمیم را به طور مستقیم با اعلام همزمان به مجاری سیاسی (دیپلماتیک) یا از طریق مجاری سیاسی (دیپلماتیک) به مرجع مرکزی طرف درخواست‌کننده ابلاغ خواهد نمود.

2- طرف درخواست‌شونده شخص مورد نظر را به مقام‌های صلاحیتدار طرف درخواست‌کننده در محلی در قلمرو طرف درخواست‌شونده که برای هر دو طرف قابل قبول است، تسلیم خواهد کرد.

3- طرف درخواست‌کننده شخص را در مدت متعارفی که طرف درخواست‌شونده مشخص می‌کند، از قلمرو طرف درخواست‌شونده خارج خواهد کرد و چنانچه شخص در آن مدت خارج نشده باشد، طرف درخواست‌شونده می‌تواند آن شخص را آزاد و طرف درخواست کننده را مطلع نماید و می‌تواند استرداد همان شخص را برای همان جرم رد کند.

4- چنانچه شرایط خارج از اختیار (کنترل) مانع تسلیم یا خارج کردن شخص مورد استرداد توسط، یک طرف شود، آن طرف موضوع را به طرف دیگر اطلاع خواهد داد و در این مورد مفاد بند 3 این ماده اعمال نخواهد شد. طرف‌ها در مورد تاریخ جدید تسلیم یا خارج کردن مشترکاً تصمیم خواهند گرفت که دیرتر از چهل و پنج (45) روز از تاریخ تصمیم گیری نخواهد بود.

ماده ۱۱

تسلیم یا انتقال موقت اموال مربوط به شخص مسترد شده

1- تا حدودی که قوانین طرف درخواست‌شونده مجاز بداند و با رعایت حقوق اشخاص ثالث که باید به نحو مقتضی رعایت شود، کلیه اموال یافت شده در طرف درخواست‌شونده که در نتیجه جرم به دست آمده یا می‌تواند به عنوان ادله مورد نیاز باشد، تسلیم یا به طور موقت منتقل خواهد شد، مشروط بر این‌که استرداد پذیرفته شود و طرف درخواست کننده چنین درخواستی داشته باشد.

2- با رعایت بند (1) این ماده، در صورت درخواست طرف درخواست‌کننده، اموال فوق‌الذکر به طرف درخواست‌کننده تسلیم خواهد شد، حتی اگر استرداد قابل انجام نباشد، از جمله به خاطر شرایطی که استرداد به دلیل مرگ، ناپدید شدن یا فرار شخص مورد نظر امکان‌پذیر نباشد، اما محدود به این موارد نمی‌شود.

3- چنانچه قوانین طرف درخواست‌شونده یا حقوق اشخاص ثالث ایجاب کند، هر اقلامی که به این ترتیب تسلیم شده باشد، بنابه درخواست آن طرف، به طور رایگان به طرف درخواست‌شونده بازگردانده خواهد شد.

4- چنانچه اموال فوق الذکر برای تحقیق یا تعقیب جرم در طرف درخواست‌شونده مورد نیاز باشد، در این صورت می‌توان تحویل آن اموال را تا تکمیل تحقیق یا تعقیب به تعویق انداخت یا به شرطی می‌توان تحویل داد که پس از پایان جریان رسیدگی‌ها در طرف درخواست کننده بازگردانده شود.

ماده ۱۲

استرداد مجدد

چنانچه شخص مسترد شده در جریان رسیدگی‌های کیفری علیه وی یا سپری کردن مجازات در طرف درخواست‌کننده فرار کرده باشد و به قلمرو طرف درخواست‌شونده بازگشته باشد، طرف درخواست‌کننده می‌تواند درخواست استرداد مجدد آن شخص را برای همان جرم ارائه کند.

ماده ۱۳

قاعده اختصاصی بودن

1- شخصی را که به موجب این معاهده مسترد شده است، نمی‌توان در طرف درخواست کننده بازداشت، محاکمه یا مجازات کرد مگر در موارد زیر:

الف) جرمی که استرداد برای آن پذیرفته شده است یا جرمی متفاوت که براساس همان حقایقی که استرداد بر اساس آن‌ها پذیرفته شده است، مشروط بر اینکه چنین جرمی قابل استرداد باشد یا جرم کمتری باشد؛

ب) جرمی که شخص در رابطه با آن مسترد شده است، یا جرم دیگری که در رابطه با آن می‌توان وی را بر اساس حقایق ثابت شده مورد استفاده برای حمایت از درخواست استرداد محکوم کرد؛ یا

پ) جرمی که مقام صلاحیتدار طبق قوانین داخلی طرف درخواست‌شونده با بازداشت، محاکمه یا مجازات شخص برای آن جرم موافقت کرده باشد.

از نظر این جزء:

(1) طرف درخواست‌شونده می‌تواند درخواست کند اسنادی را که در ماده ۶ این معاهده خواسته شده است، ارائه گردد.

(2) تصویری از بیانیه ارائه شده توسط شخصی که استرداد وی درخواست شده است (در صورت وجود)، به طرف درخواست‌شونده ارائه خواهد شد، و

(3) طرف درخواست‌کننده می‌تواند در حین رسیدگی به درخواست، شخص مسترد شده را برای مدت زمانی که طرف درخواست‌شونده ممکن است اجازه دهد، بازداشت کند.

2- شخصی را که به موجب این معاهده مسترد می‌شود، نمیتوان به دلیل جرمی که قبل از استرداد مرتکب شده است به کشور ثالثی مسترد کرد مگر اینکه طرف درخواست شونده موافقت کند.

3- بندهای 1 و 2 این ماده مانع از بازداشت، محاکمه یا محکومیت شخص مسترد شده یا استرداد آن شخص به کشور ثالث نخواهد شد، چنانچه:

الف) آن شخص پس از استرداد قلمرو طرف درخواست‌کننده را ترک کند و داوطلبانه به آن باز گردد.

یا

ب) آن شخص ظرف چهل و پنج (45) روز از زمانی که مختار است قلمرو طرف درخواست کننده را ترک کند، آنجا را ترک نکند.

ماده ۱۴

اطلاع رسانی نتایج

طرف درخواست‌کننده اطلاعات مربوط به جریان رسیدگی‌ها یا اجرای حکم در مورد شخص مسترد شده یا استرداد مجدد آن شخص به کشور ثالث را از قبل به طرف درخواست‌شونده اطلاع خواهد داد.

ماده ۱۵

گذر

1- تا حدی که قوانین طرف‌ها اجازه می‌دهد، انتقال شخص تسلیم شده به یک طرف توسط دولت ثالث از طریق قلمرو طرف دیگر، بنا به درخواست کتبی صورت گرفته از طریق مراجع مرکزی، مجاز خواهد بود.

2- زمانی که قرار است از حمل و نقل هوایی استفاده شود و هیچ فرودی در قلمرو طرف گذر، برنامه ریزی نشده باشد، مجوز عبور لازم نیست. اگر فرود برنامه‌ریزی نشده‌ای در قلمرو آن طرف رخ دهد، طرف مزبور می‌تواند از طرف دیگر بخواهد که درخواست گذر را به گونه‌ای که در بند (1) این ماده مقرر شده است، ارائه کند. آن طرف، شخص مورد انتقال را تا زمان دریافت درخواست انتقال و انجام گذر، تا زمانی که درخواست ظرف چهار (4) روز (96 ساعت) پس از فرود برنامه‌ریزی نشده دریافت شود، بازداشت خواهد کرد.

ماده ۱۶

هزینه‌ها

1- طرف درخواست‌شونده هزینه‌های هرگونه جریان رسیدگی‌ها در حوزه صلاحیت خود را که ناشی از درخواست استرداد باشد، تقبل خواهد کرد.

2- طرف درخواست‌شونده هزینه‌های صورت گرفته در قلمرو خود را در رابطه با دستگیری و بازداشت شخصی که استرداد وی مورد درخواست است، یا توقیف و تسلیم اموال، تقبل خواهد نمود.

3- طرف درخواست‌کننده هزینه‌های صورت گرفته مربوط به انتقال شخصی که استرداد او از قلمرو طرف درخواست‌شونده پذیرفته شده است و هزینه‌های گذر را متحمل خواهد شد.

ماده ۱۷

مراجع مرکزی

1- از نظر این معاهده، مراجع مرکزی طرف‌ها بطورمستقیم یا از مجاری سیاسی (دیپلماتیک) ارتباط برقرار خواهند کرد، مگر اینکه در این معاهده به نحو دیگری مقرر شده باشد.

- مرجع مرکزی برای جمهوری سوسیالیستی ویتنام وزارت امنیت عمومی خواهد بود.

- مرجع مرکزی برای جمهوری اسلامی ایران معاونت امور بین‌الملل قوه قضائیه خواهد بود.

2- چنانچه هر یک از طرفها مرجع مرکزی خود را تغییر دهد، مراتب را در اسرع وقت از طریق مجاری سیاسی (دیپلماتیک) به طرف دیگر اطلاع خواهد داد.

ماده ۱۸

حل و فصل اختلافات

1- مراجع مرکزی تلاش خواهند کرد تا هرگونه اختلاف ناشی از تفسیر، اعمال یا اجرای این معاهده را به‌طور متقابل حل و فصل کنند.

2- چنانچه مراجع مرکزی بهطور متقابل قادر به حل و فصل اختلاف نباشند، اختلاف از طریق مجاری سیاسی (دیپلماتیک) حل و فصل خواهد شد.

ماده ۱۹

مشورت

1- طرف‌ها بنا به درخواست طرف دیگر در مورد تفسیر و اجرای این معاهده مشورت خواهند کرد.

2- وزارت امنیت عمومی جمهوری سوسیالیستی ویتنام و معاونت امور بین‌الملل قوه قضائیه جمهوری اسلامی ایران می‌تواند بهطور مستقیم در ارتباط با روند درخواست‌های جداگانه و پیشبرد حفظ و بهبود تشریفات اجرای این معاهده با یکدیگر مشورت کنند.

ماده ۲۰

تعهد نسبت به سایر موافقتنامه های بین المللی

این معاهده بر حقوق و تعهدات طرف‌های متعاهد ناشی از سایر موافقت‌نامه‌های بین‌المللی که آنها عضو آن هستند، تأثیری نخواهد داشت.

ماده 21

اصلاحات

هرگونه اصلاح یا تغییر این معاهده که مورد توافق طرفها قرار گرفته باشد، طبق ماده (22) این معاهده لازم الاجرا خواهد شد و بخش جدایی‌ناپذیر این معاهده را تشکیل خواهد داد.

ماده۲2

لازمالاجرا شدن و اختتام

1- این معاهده به‌موجب قوانین هر طرف منوط به تصویب خواهد بود. هر طرف به‌محض تکمیل تشریفات قانونی خود که برای لازم‌الاجرا شدن این معاهده لازم است، طرف دیگر را در اسرع وقت به صورت کتبی و از طریق مجاری سیاسی (دیپلماتیک) مطلع خواهد کرد. این معاهده پس از شصت (60) روز از تاریخ آخرین اطلاعیه طرف‌ها لازم الاجرا خواهد شد.

2- این معاهده برای مدت نامحدودی لازمالاجرا خواهد شد. با این حال، می‌تواند با اطلاعیه کتبی هر یک از طرف‌ها مبی بر اختتام به طرف دیگر، خاتمه یابد. اختتام شش (06) ماه پس از تاریخی نافذ خواهد شد که چنین اطلاعیه‌ای توسط طرف دیگر دریافت می‌شود.

3- این معاهده علی‌رغم هرگونه اختتام، در مورد درخواست‌های استردادی که قبل از تاریخ نافذ شدن اختتام مزبور انجام شده است، کماکان اعمال خواهد شد.

برای گواهی مراتب فوق، امضاکنندگان زیر که بهطور مقتضی از طرف دولت‌های متبوع خود مجاز می‌باشند، این معاهده را امضا کردند.

این معاهده در دو نسخه در تهران..... در ۲۱ روز مه ۲۰۲۴.، به زبانهای ویتنامی، فارسی و انگلیسی تنظیم گردید. کلیه متون دارای اعتبار یکسان می باشند. در صورت وجود اختلاف در تفسیر، متن انگلیسی ملاک خواهد بود.

از طرف جمهوری اسلامی ایران

از طرف جمهوری سوسیالیستی ویتنام